

TỔ CHỨC HÀNG PHƯỜNG VÀ TÍNH CỐ KẾT TỘC NGƯỜI TRONG CỘNG ĐỒNG TÀY, NÙNG Ở XÃ THẠCH ĐẠN, HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

TS. Lê Minh Anh
Viện Dân tộc học
Lý Viết Trường

Tóm tắt: Nghiên cứu này tiếp cận mối quan hệ tương trợ và vai trò cố kết cộng đồng trong tổ chức hàng phường của người Tày, Nùng tại xã Thạch Đạn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Trong tang ma, mọi công việc đều do hàng phường lo liệu, từ những công việc nhỏ nhất như quét nhà, rửa bát đến những công việc lớn như đóng và khiêng quan tài, đào huyệt, ... Mối quan hệ tương trợ về vật chất được biểu hiện thông qua sự trợ giúp của các thành viên hàng phường cho gia đình tang chủ như gạo, rượu, củi và tiền. Cùng với đó là tương trợ về mặt tinh thần như bữa cơm chia buồn và những lời chia sẻ của hàng phường dành cho gia đình tang chủ càng góp phần gia tăng mối quan hệ cố kết cộng đồng. Mối quan hệ tương trợ của hàng phường được hình thành nhờ sự tin tưởng và được duy trì dựa trên nguyên tắc “bát mưng, bát câu” (có đi có lại). Chính quan hệ xã hội này cùng với các quan hệ xã hội, văn hóa đan xen khác đã tạo nên sự cố kết cộng đồng tộc người bền chặt ở cộng đồng Tày, Nùng từ trong truyền thống đến hiện tại.

Từ khóa: Cố kết tộc người, hàng phường, tương trợ, vốn xã hội, Tày, Nùng.

Ở đầu

Hàng phường của người Tày, Nùng là một tổ chức phi quan phương được hình thành từ thập niên 90 của thế kỷ XX (Viện Dân tộc học, 1978; 1992; Hoàng Nam, 1992; La Công Ý, 2010). Tổ chức này hoạt động mang tính tự nguyện trong các thành viên của cộng đồng tộc người. Tổ chức và cách thức hoạt động của hàng phường được quy định rõ trong quy ước làng bản của từng cộng đồng Tày, Nùng ở các địa phương. Tuy có đôi chút chi tiết khác ở mỗi vùng, nhưng về cơ bản hàng phường có nhiệm vụ là

phiên âm từ tiếng Tày, Nùng sang tiếng phổ thông là hàng phường, hội hiếu, phe và hội phe. Tại địa bàn nghiên cứu, tổ chức này được gọi là hàng phường.

Trong những công trình giới thiệu về dân tộc Tày, Nùng, một số tác giả cho rằng hàng phường là một phần của thiết chế cộng đồng “bản, còn”, với nghĩa tiếng Việt là làng xóm (Viện Dân tộc học, 1978; 1992; Hoàng Nam, 1992; La Công Ý, 2010). Những tác giả khác khi nghiên cứu về tang ma của hai dân tộc Tày, Nùng cũng đề cập vai trò hàng

phường là một tổ chức giúp đỡ tang chủ và lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống (Nguyễn Thị Ngân, 2011b; Lương Thị Hạnh, 2015). Một số nghiên cứu khác khi tìm hiểu về tổ chức tương trợ trong tang ma mới chỉ trình bày hình thức tổ chức, cách thức vận hành mà chưa đi sâu tiếp cận đến khía cạnh lịch đại với những biến đổi trong vai trò tương trợ và cố kết cộng đồng của tổ chức tương trợ này ở người Tày, Nùng tại các tỉnh phía Bắc (Hoàng Thị Tường Chu, 2011; Nguyễn Thị Ngân, 2011a; Đỗ Thị Hồng Nhung, 2011). Ở một chiều cạnh khác, tác giả Nguyễn Anh Tuấn (2011), Lê Minh Anh (2012; 2013), Vương Xuân Tình và cộng sự (2015); Lý Việt Trường (2016) đã sử dụng lý thuyết vốn xã hội để tiếp cận quan hệ tương trợ của tổ chức hàng phường ở người Nùng và Tày, nhưng mới chỉ mang tính gợi mở cho các nghiên cứu tiếp theo. Tuy vậy, vẫn còn nhiều vấn đề cần bàn khi sử dụng lý thuyết để tiếp cận vào trường hợp cụ thể đến tập quán tang ma của những tộc người ở nước ta.

Vượt lên trên những mô tả về vai trò của hàng phường trong xã hội truyền thống, bài viết này dựa trên cách tiếp cận lý thuyết Vốn xã hội của Fukuyama và khái niệm Biểu tượng của Marcel Mauss nhằm tìm hiểu một cách kỹ lưỡng mối quan hệ tương trợ và vai trò cố kết cộng đồng của tổ chức hàng phường qua trường hợp cụ thể tại một xã ở vùng biên giới Việt - Trung. Tuy nhiên, trong bài viết này, hành động trợ giúp trong lễ nghi tang ma không được hiểu như cử chỉ “biểu tượng” mà là như sự tương thân tương ái và nhiều hơn là “nợ” trong việc hiếu của những cộng đồng này. Câu hỏi đặt ra là, việc giúp đỡ trong hàng phường ở mỗi cộng đồng tộc người Tày, Nùng diễn ra theo nguyên tắc

“có đi có lại” thuần túy của hình thức giúp “góp” như cách đồng bào thường gọi; hay sâu xa hơn là nguồn vốn xã hội như các nhà xã hội học nhắc đến và chính nguyên tắc ấy là cơ sở để hàng phường hình thành, tồn tại, duy trì trong đời sống tộc người ở bối cảnh kinh tế thị trường hiện nay?

1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Thạch Đạn là một xã nằm ở phía Đông Bắc huyện Cao Lộc, cách trung tâm huyện Cao Lộc 10km, cách trung tâm tỉnh Lạng Sơn 12km và cách biên giới Việt - Trung 15km. Với vị trí địa lý như vậy, Thạch Đạn đã sớm trở thành trung tâm tiếp xúc và giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội với các tộc người khác trong tỉnh và ở bên kia biên giới.

Tính đến tháng 4/2017, xã có 3.026 người, trong đó chủ yếu là người Nùng (vượt hơn 70%) và người Tày (vượt hơn 20%). Thạch Đạn gồm 8 thôn là Bản Cuờm, Cồn Quyền, Bản Đầy, Nà Mon, Nà Lệnh, Bản Roọc, Khuôn Cuồng và Nà Sla. Ở đây, các dân tộc Tày, Nùng đã có lịch sử hàng trăm năm khai phá ruộng nương, xây dựng mừng bản. Qua nhiều thế hệ, các dân tộc xã Thạch Đạn đã cùng nhau sáng tạo nên những giá trị văn hóa và quan hệ xã hội đặc sắc, một trong số đó là quan hệ tương trợ giữa các thành viên trong dòng họ và cộng đồng. Truyền thống này được thể hiện qua các khía cạnh: tương trợ trong hoạt động sản xuất, cưới xin, tang ma, thiên tai, hoạn nạn của các thành viên thuộc cộng đồng. Việc tương trợ diễn ra theo nguyên tắc “*mung dèn câu dài*” (có đi có lại) và “*ngừn xèn tổ ky/tào lý tổ păng*” (bạc tiền khắc ghi/đạo lý đáp đền). Và lòng tin là điểm cốt lõi của mối quan hệ xã hội này, cả về chiều cạnh kiến tạo và duy

trì trong những bối cảnh chính trị, xã hội khác nhau.

2. Tổ chức hàng phường

Hàng phường là tập hợp các thành viên trong cùng một bản hoặc hai bản cạnh nhau nhằm mục đích giúp đỡ trong việc tang ma. Như đã biết, bất kỳ tổ chức nào cũng đều tồn tại các mối quan hệ xã hội dựa trên giá trị văn hóa chung tộc người. Quan hệ hàng phường của các tộc người Tày, Nùng tại điểm nghiên cứu cho thấy có ba loại quan hệ: quan hệ giữa thành viên hàng phường với người quản lý, quan hệ giữa các thành viên hàng phường, quan hệ giữa các thành viên hàng phường với gia đình tang chủ.

Về quan hệ giữa thành viên hàng phường với người quản lý. Đây là mối quan hệ rất quan trọng, quyết định đến quá trình hoạt động và sinh hoạt của hàng phường. Do tính chất quan trọng ấy nên những người được bầu vào ban quản lý thường là người biết điều hành công việc, uy tín cao và tiếng nói có trọng lượng đối với các thành viên cộng đồng.

Ở đây có hai trường hợp thường gặp: Nếu hàng phường bầu ra người có uy tín và biết điều hành công việc thì hàng phường sẽ hoạt động hiệu quả, mối quan hệ giữa các thành viên và người quản lý diễn ra tốt đẹp. Ngược lại, hàng phường sẽ hoạt động kém hiệu quả và các thành viên ít tuân thủ sự điều hành của người quản lý nếu chưa lựa chọn được người đứng đầu linh hoạt và biết sắp xếp công việc trong tang lễ cho các tổ trong hàng phường. Thực tế khảo sát ở địa bàn nghiên cứu cho thấy, trường hợp ông Đầy là một người quản lý hàng phường giỏi của xã Thạch Đạn, bởi vì ông có khả năng

chỉ đạo và phân công sắp xếp công việc, nên hàng phường của bản ông hoạt động rất quy củ. Điều đó không chỉ tăng cường mối quan hệ thân thiện giữa ông Đầy và các thành viên hàng phường mà còn góp phần thúc đẩy sự gắn kết giữa các thành viên trong cộng đồng. Như vậy, một người quản lý muốn điều hành được công việc và được các thành viên nể phục, trước tiên phải là người biết chỉ đạo, tổ chức, phân công công việc và quan trọng hơn là biết điều hòa các mối quan hệ giữa các thành viên hàng phường.

Tuy nhiên, bên cạnh cách thức quản lý theo hình thức cố định như trên còn có những hàng phường hoạt động theo kiểu quản lý luân phiên. Hình thức quản lý này không bầu một người cố định làm hội trưởng mà các thành viên trong hàng phường thay nhau làm người quản lý. Mô hình này có ưu điểm là tạo được sự công bằng, ai cũng được làm người đứng đầu, thay nhau quản lý. Song, bên cạnh đó cũng bộc lộ những vấn đề bất cập liên quan đến năng lực quản lý, bởi không phải ai cũng có khả năng, tổ chức và chỉ đạo. Điều này tác động rất lớn tới quá trình triển khai công việc, thậm chí là sự trọn vẹn của đám tang.

3. Hàng phường và vai trò tương trợ cộng đồng

Truyền ngôn người Tày, Nùng có câu “*Cừn nàu tò mì vắn thài*” (Ai cũng có ngày chết), vậy nên lúc sống người ta thường nghĩ “*Slíp pì noọng tam tó/bấu tày pò xẩu rườn*” (Mười anh em ruột thịt/không bằng một người gần nhà), để những lúc tối lửa tắt đèn còn có hàng xóm, láng giềng ở bên. Diễn ngôn “*bản táu mà hưa, bản nưa mà chòi*” (Bản dưới lên giúp, bản trên xuống đỡ) có ý

ca ngợi truyền thống tương thân, tương ái trong cộng đồng. Điều này có thể nhìn thấy ở các chiều cạnh chủ yếu là đóng góp công sức, tinh thần và hỗ trợ vật chất của người Tày, Nùng ở Thạch Đạn.

3.1. Tương trợ về công sức

Từ khi thành lập, mọi công việc trong đám tang đều do hàng phường lo liệu, từ các công việc quét dọn nhà, đun nước, nấu và chế biến thức ăn, rửa bát đến những công việc chặt cây, dựng rạp, đóng quan tài và di chuyển quan tài người mất đến nơi chôn cất, lo cơm nước, trà cau, lễ vật trong tang lễ,... Để vận hành các công việc được tốt nhất, hàng phường ở xã Thạch Đạn được chia thành tổ, mỗi tổ phụ trách những công việc riêng. Ví dụ, ở bản Nà Lặng, xã Thạch Đạn, hàng phường được chia làm 2 tổ, 1 tổ phụ trách công việc bếp núc, 1 tổ phụ trách công việc liên quan đến làm áo quan, đào và lấp huyệt,... Còn hàng phường Bản Đầy, xã Thạch Đạn chia làm 3 tổ, gồm tổ lo cơm nước, tổ làm quan tài, tổ đào huyệt. Số lượng tổ tùy thuộc vào lượng công việc và cách phân chia của từng hàng phường. Ngoài cách phân chia thành nhóm, người ta còn phân công công việc theo hình thức luân phiên. Những người làm công việc đào huyệt ở đám ma trước thì đám ma sau sẽ được phân công làm nhà táng. Hầu hết mọi người đều cố gắng hoàn thành công việc một cách tốt nhất: *“Đa số mọi người khi làm việc cho hàng phường đều làm hết trách nhiệm, hết mình vì công việc chung. Chỉ có một số người làm việc không nhiệt tình, những người đó thường là người có mối quan hệ không tốt với gia đình tang chủ. Những người này nghĩ rằng mình làm thế nào chẳng được, họ đến làm việc chẳng qua vì sợ hàng phường phê bình”*

(PV Nam, dân tộc Nùng, sinh năm 1967, bản Nà Lặng). Việc phân công lao động, trách nhiệm cụ thể mang tính luân phiên, thông qua đó, hàng phường đã trở thành sợi dây ràng buộc mối quan hệ giữa các thành viên với tập thể.

3.2. Tương trợ về vật chất

Tương trợ, giúp góp về vật chất hay vật phẩm cụ thể trong tang ma và những công việc lớn trong nghi lễ của gia đình vốn đã có từ lâu đời. Người Tày, Nùng xã Thạch Đạn cũng không nằm ngoài phạm vi phong tục, tập quán mang giá trị văn hóa truyền thống ấy. Cái khác ở chỗ, ngoài những điểm tương đồng như nghĩa vụ, trách nhiệm của các thành viên phải có, ở đây từ trong truyền thống đến hiện tại, người Tày, Nùng vẫn giữ được quan niệm coi công việc của dòng họ, cộng đồng là công việc của mình.

Cư trú trong khuôn viên làng bản chỉ có vài ba dòng họ, lại nhỏ về cấu trúc dân cư hơn so với làng người Việt vùng đồng bằng, nên điều này cũng lý giải vì sao mối quan hệ xã hội của họ lại gần gũi như vậy. Hơn nữa, thời gian tổ chức các nghi lễ trong tang ma trước kia thường kéo dài, gây ra sự tốn kém về vật chất và ảnh hưởng đến sức khỏe của người thân trong gia đình tang chủ. Do vậy, với những gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, khi có người mất thường không đủ gạo, lợn, gà, rượu... để phục vụ đám tang. Trong trường hợp ấy, thành viên hàng phường sẽ chủ động đến gặp gia đình tang chủ để trao đổi về việc trả “món trợ giúp” trước đây mà họ đã hỗ trợ mình.

Trong tang ma, sự giúp đỡ, tương trợ dù “lo hoàn nợ lễ” hay tự nguyện vật chất đều là sự biểu hiện của mối quan hệ qua lại

và trách nhiệm với thành viên hàng phường. Hoạt động tương trợ, giúp góp về mặt vật chất trong tổ chức hàng phường thường bao gồm lương thực, thực phẩm, củi, rượu và tiền phúng viếng. Bên cạnh đó, theo tập tục, mỗi thành viên trong cộng đồng có trách nhiệm mang theo 3kg gạo, 1 bó củi và 20.000 đồng (số tiền được quy đổi từ 1 lít rượu) đến giúp đỡ gia đình tang chủ. Theo thông tin từ sổ hàng phường bản Nà Lặng, ghi chép về đám tang ông Lý Cảnh Đông, Lý Cảnh Lâm và Lý Cảnh Làn năm 2014 và 2015, mỗi đám tang đều được hàng phường giúp 135kg gạo, 45 bó củi và 900.000 đồng. Mỗi quan hệ vay mượn ở đây diễn ra theo nguyên tắc “*bát mưng bát cầu*” (có đi có lại). Quá trình giúp góp này diễn ra một cách tự nguyện đầy trách nhiệm, gia đình nào cũng có một cuốn sổ gia đình để ghi chép lại thông tin về những người đã giúp mình hoặc mình giúp họ. Tuy nhiên, có một nguyên tắc là việc giúp góp này ở đám hiếu không được trả vào đám hỷ của gia đình trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Về hình thức phúng viếng (*púng*), sau buổi đưa tang người quá cố, mọi thành viên trong hàng phường đều tự giác đến gia đình tang chủ để phúng viếng. Tất cả mọi người khi được hỏi đều cho rằng “*púng*” là một hình thức chia buồn và giúp đỡ gia đình tang chủ vượt qua hoàn cảnh khó khăn, mất mát. Qua tìm hiểu cuốn sổ gia đình ghi chép số tiền phúng viếng trong đám tang ông Lý Cảnh Làn (tháng 5/2015), chúng tôi được biết có 3 mức: trên 200 nghìn (chiếm 8%) hầu hết là những người có quan hệ họ hàng gần của gia đình tang chủ; 200 nghìn (chiếm 52%) là những người có mối quan hệ gần gũi với gia đình tang chủ; dưới 200 nghìn (chiếm 40%)

là những người có mối quan hệ họ hàng xa, bạn bè và thành viên hàng phường.

Các thành viên hàng phường cho biết, họ có thể vắng mặt trong đám cưới, nhưng không thể vắng mặt trong đám ma mà không có lý do chính đáng. Điều này có thể được lý giải giống như Yunxiang Yan đã từng cho rằng “vắng mặt tại một lễ tang không có lý do chính đáng bị coi là cử chỉ cực kỳ không thân thiện và có thể dẫn tới một sự đổ vỡ trong các quan hệ liên cá nhân hiện hành” (Yunxiang Yan, 1996, tr. 10).

3.3. *Tương trợ về tinh thần*

Tương trợ về tinh thần trong tang ma thể hiện ở tinh thần trách nhiệm trong công việc của hàng phường, chẳng hạn như bữa cơm chia buồn với gia đình tang chủ hay những lời chia buồn, chia sẻ nỗi mất mát và động viên gia đình tang chủ cố gắng vượt qua nỗi đau khi người thân qua đời.

Tinh thần trách nhiệm được thể hiện thông qua thái độ và trách nhiệm với công việc khi hàng phường giao phó. Khi nhận được tin báo trong hàng phường có người mất, mọi người phải nhanh chóng có mặt tại gia đình tang chủ để nhận công việc cụ thể được giao theo tổ. Dù gia đình có việc bận cũng phải bỏ lại. Điều này thể hiện bổn phận của mình đối với hàng phường nói chung và gia đình tang chủ nói riêng trong cộng đồng làng bản Tày, Nùng. Trách nhiệm của mỗi thành viên là phải chấp hành nhiệm vụ khi tham gia vào cộng đồng hàng phường; hơn thế nữa, đây còn là bổn phận của cá nhân trong mạng lưới xã hội với gia đình tang chủ, bởi lẽ khi tham gia công việc trong đám tang, mỗi thành viên thường mang hai vị thế: vừa là thành viên của tổ chức tương trợ, vừa là một

vai rất cụ thể trong quan hệ với người đã chết và gia đình tang quyến (Vương Xuân Tình và cộng sự, 2015, tr. 20). Mặc dù là tổ chức phi quan phương hoạt động trên tinh thần tự nguyện, nhưng hàng phường cũng dựa trên những quy định nghiêm ngặt về thời gian, đóng góp và ý thức trách nhiệm trong công việc.

Trước hết, tương trợ về mặt tinh thần thể hiện qua bữa cơm chia buồn với gia đình tang chủ. Sau khi đưa tang, gia đình tang chủ mời hàng phường và khách đến viếng dùng một bữa cơm để cảm ơn họ đã đến chia buồn và giúp đỡ gia đình trong đám tang. Trong bữa cơm chia buồn này, người ta sắp xếp cho hàng phường một số mâm riêng. Vì trước khi bữa cơm diễn ra, các thành viên hàng phường sẽ cùng nhau nhìn nhận lại quá trình thực hiện công việc trong đám tang. Qua đó, biểu dương những người nhiệt tình và nghiêm khắc phê bình những cá nhân thiếu trách nhiệm. Từ sự nhìn nhận lại những công việc được giao cho các tổ trong đám ma, hàng phường sẽ rút kinh nghiệm về tổ chức, nhắc nhở chung nhưng cá nhân về công việc do các tổ giao để lần sau thực hiện tốt hơn. Sau khi thực hiện các công việc trên, mọi người trong hàng phường ngồi quây quần để dùng bữa, đồng thời cùng chia sẻ sự mất mát đối với gia đình tang chủ. Thông thường, anh em họ hàng gần và thành viên hàng phường kể lại những kỷ niệm tốt đẹp về người quá cố cho người thân trong gia đình, họ hàng nghe với niềm nhớ nhung, luyến tiếc người đã qua đời. Vì vậy, bữa ăn đã vượt ra khỏi ý nghĩa thông thường, mang ý nghĩa gắn bó và chia sẻ giữa hàng phường với gia đình tang chủ và giữa các thành viên hàng phường với nhau. Qua số liệu ghi chép từ cuốn sổ phúng viếng

và giúp góp của gia đình đối với đám tang ông Lý Cảnh Làn năm 2015 tại bản Nà Lặng cho thấy, 98% thành viên hàng phường đến ăn bữa cơm chia buồn, chỉ có 2% số người không tham dự bữa cơm. Theo giải thích của gia đình tang chủ và hàng phường, 2% số người không đến dự bữa cơm chia buồn có thể vì đã có mâu thuẫn với gia đình tang chủ. Khi người ta xác định không đến phúng viếng và ăn cơm chia buồn trong đám tang, nghĩa là họ không muốn duy trì mối quan hệ với gia đình tang chủ mặc dù biết rằng sẽ có hệ lụy trong quan hệ với hàng phường. Tuy nhiên, đây là trường hợp rất hiếm hoi.

4. Kết luận

Hàng phường ở người Tày, Nùng tại xã Thạch Đạn hình thành dựa trên mối quan hệ xã hội trong hoạt động tang ma của các thành viên cộng đồng trong cùng một tộc người tại nơi cư trú. Trong quan hệ nội tộc người, mối quan hệ chủ đạo là quan hệ giữa các thành viên hàng phường với gia đình tang chủ trong việc hiếu. Bản chất của mối quan hệ này chính là sự chia sẻ ngoài niềm tiếc thương, mất mát đối với người quá cố, còn bao gồm cả vật chất dưới các hình thức khác nhau giữa hàng phường với gia đình tang chủ.

Theo quan niệm của người Nùng và người Tày ở điểm nghiên cứu, dù quan hệ giữa các thành viên cộng đồng là tốt đẹp hay có mâu thuẫn trong ứng xử, quan hệ giao tiếp, nhưng gạt sang một bên, triết lý của cuộc sống “Nghĩa tử là nghĩa tận” vẫn bao trùm, chi phối tất cả mỗi khi các thành viên có việc hiếu. Hàng phường là tổ chức phi quan phương mang tính tự nguyện, tương trợ, giữ vai trò kiến tạo, kết nối giữa các

thành viên trong cộng đồng với nhau trong hoạt động tang ma, chứ không mang tính riêng lẻ, cá nhân.

Quan hệ giữa các cá nhân trong tổ chức hàng phường rất đa dạng. Điều đó cũng khiến cho tổ chức hàng phường trở thành tâm điểm của các cuộc bàn luận mang tính dân chủ truyền thống giữa những thành viên. Xuất hiện và chạm trong hàng phường sẽ kéo theo một chuỗi những mối quan hệ bị ảnh hưởng, bởi lẽ trong hàng phường, sợi dây liên kết của những người tham gia rất chằng chịt. Các thành viên trong hàng phường đều bị chi phối bởi những mối quan hệ chồng chéo “phi nội tắc ngoại”.

Thông qua hàng phường, các thành viên có dịp hiểu nhau hơn, nhiều mối quan hệ mâu thuẫn được bỏ qua, nhưng cũng có những người tuy là thành viên của hàng phường, do quan điểm bất đồng không giải quyết được dẫn tới xích mích. Tuy nhiên, thường thông qua bữa cơm hoàn tất nghi lễ tang ma tại gia đình tang chủ mà mỗi hiềm khích, bất hòa phần nào được giải tỏa. Giữa các thành viên trong hàng phường luôn tồn tại những mối quan hệ khác nhau. Trong quan hệ xã hội, một cá nhân trong cộng đồng có thể vừa là một thành viên hàng phường, vừa có vai vế trong họ hàng dòng tộc, bạn bè, đồng nghiệp hoặc trong nhóm hội phi quan phương khác như nhóm đồng môn, đồng ngũ, đồng niên,... Chính do những mối quan hệ đa dạng ấy, nên khi xảy ra bất đồng, họ luôn chọn cách hòa giải từ các kênh khác nhau để duy trì tình cảm và hàng phường là nơi hữu hiệu nhất, bởi trước cõi tâm linh và mắt mát cũng là lúc con người dễ tha thứ cho nhau nhất.

Trên cơ sở tương trợ, giúp đỡ các thành viên cộng đồng trong việc hiếu, tổ chức hàng phường ở xã Thạch Đạn đã kiến tạo và củng cố mối quan hệ cố kết cộng đồng trong nội bộ tộc người. Thông qua những hoạt động này, các thành viên hàng phường đã phần nào xóa bỏ được những mâu thuẫn, hiềm khích hiện hữu để vươn tới sự chia sẻ về tình cảm. Chính vì vậy, dù trong bối cảnh nào, do tác động của chiến tranh biên giới (năm 1979) cũng như trong thời kỳ chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, cộng đồng Tày, Nùng ở xã Thạch Đạn vẫn luôn gìn giữ được mối quan hệ xã hội và văn hóa bền chặt.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Minh Anh (2012), “Tương trợ cộng đồng trong cưới xin và tang ma của người Nùng Phàn Slinh ở huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 5&6, tr. 35-45.
2. Lê Minh Anh (2013), *Quan hệ dòng họ của người Nùng Phàn Slinh (Nghiên cứu ở huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn)*, Luận án tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Hoàng Thị Tường Chu (2011), *Hội phe - hội hiếu của người Tày (Khảo sát tại xã Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn)*, Khóa luận tốt nghiệp đại học, Khoa Văn hóa dân tộc thiểu số, Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
4. Fukuyama (2003), “Nguồn gốc vốn xã hội và sự phát triển”, *Tạp chí Xã hội học*, số 4, tr. 90-98.
5. Lương Thị Hạnh (2015), *Tang ma của người Tày ở tỉnh Bắc Kạn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

6. Mauss Marcel (2015), *Luận về biếu tặng: hình thức và lý do của sự trao đổi trong các xã hội cổ sơ* (Nguyễn Tùng dịch), Nxb. Tri thức, Hà Nội.
7. Hoàng Nam (1992), *Dân tộc Nùng ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Ngân (2011a), “Tổ chức hàng phường trong tang ma của người Nùng Phàn Slinh”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 1, tr.69-72.
9. Nguyễn Thị Ngân (2011b), *Tang ma của người Nùng Phàn Slinh ở tỉnh Thái Nguyên*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Hà Nội.
10. Đỗ Thị Hồng Nhung (2011), *Tổ chức phe/hội của người Tày ở xã Định Biên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên*, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân, khoa Văn hóa dân tộc thiểu số, Đại học Văn hóa Hà Nội.
11. Vương Xuân Tình, Vũ Đình Mười, Lê Minh Anh (2015), “Làng người Tày trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập (Tổng luận)”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4&5, tr. 7-25.
12. Nguyễn Quý Thanh (Chủ biên) (2016), *Phép đặc tam giác về vốn xã hội của người Việt Nam: mạng lưới quan hệ - lòng tin - sự tham gia*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. Lê Thị Thò (2015), “Tang ma của người Tày ở thôn Pò Cại: Truyền thống và biến đổi”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4&5, tr. 93-101.
14. Lý Việt Trường (2016), *Tổ chức hàng phường: một hình thức tương trợ trong tang ma của người Tày, Nùng (Nghiên cứu ở xã Thạch Đạn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn)*, Khóa luận tốt nghiệp đại học, Khoa Lịch sử, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
15. Nguyễn Anh Tuấn (2011), “Số nợ đời - vốn xã hội: định đề giới hạn về trao đổi xã hội hay những mối liên hệ liên chủ thể (Tiếp cận Nhân học từ một đám ma ở làng Nùng Phàn Slinh, tỉnh Thái Nguyên)”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 25-34.
16. Viện Dân tộc học (1992), *Các dân tộc Tày - Nùng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc) (Tái bản lần 1 có sửa chữa, bổ sung)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. Yan Yunxiang (1996), *Dòng quà tặng: sự hổ tương và những mạng lưới xã hội trong một làng Trung Quốc*, (Mai Huy Bích dịch), Stanford University Press.